

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 26-8-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tô Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Nhân

2. Bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tiến-Kiểm sát viên.

Ngày 26-8-2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST-DS ngày 22-5-2025 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 24-7-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 11-8-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H (MSB); địa chỉ: số 54A Ng, phường L1, quận Đ1, Thành phố Hà Nội (nay là số 54A Ng, phường L2, Thành phố Hà Nội); người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L1, chức vụ: Tổng giám đốc MSB; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức T-Chuyên viên chính-Phòng XLN KHCN tín chấp-Ngân hàng QLTD-MSB; địa chỉ: số 27C Đ2, phường M, quận H1, thành phố Hải Phòng (nay là số 27C Đ2, phường H, Thành phố Hải Phòng); bà Nguyễn Thị V, chức vụ: Phó giám đốc QL XLN KHCN tín chấp-Ngân hàng QLTD-MSB; bà Đào Thị Thu Th-Trưởng nhóm XLN KHCN tín chấp HN-Phòng XLN KHCN tín chấp-Ngân hàng QLTD-MSB; ông Hoàng Mạnh L2-Chuyên viên cao cấp-Phòng tổ tụng-Ngân hàng QLTD-MSB; địa chỉ: tầng 27, tòa nhà ROX, số 54A Ng, phường L1, quận Đ1, Thành phố Hà Nội (nay là số 54A Ng, phường L2, Thành phố Hà Nội); theo các văn bản ủy quyền ngày 29-12-2023 và 23-7-2024 (*vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L3, sinh năm 1983; nơi thường trú: tổ 1, khu 4, phường B, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở hiện tại: Kiot C357 Sunworld, đường H2, phường B, thành phố H2, tỉnh

Quảng Ninh (nay là phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh) (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP H do ông Hoàng Đức T là người đại diện theo ủy quyền (viết tắt là nguyên đơn) khai: Bà Phạm Thị L3 (viết tắt: bị đơn) ký 03 hợp đồng tín dụng vay của nguyên đơn các khoản tiền cụ thể như sau:

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-9-2022, theo đó, bị đơn vay của nguyên đơn hạn mức thẻ tín dụng là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng); lãi suất: 42%/tháng (sao kê hàng tháng vào ngày 25); mục đích vay: để tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; phương thức giải ngân: cấp cho khách hàng 01 thẻ tín dụng vật lý, trong đó có hạn mức 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

- Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay (HĐ số 1409/2022/HĐCV) ngày 14-9-2022 (kèm phụ lục số 01), theo đó, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng); thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 04-10-2022 đến ngày 04-10-2025; lãi suất cố định trong suốt thời gian vay: 20,5%/năm; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; hình thức trả nợ gốc và lãi: nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần; số kỳ trả nợ gốc: 36 kỳ; ngày trả nợ gốc đầu tiên: ngày 30-10-2022; các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng; số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 5.277.778 đồng; số kỳ trả lãi: 36 kỳ; ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 30-10-2022; các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022, theo đó: bị đơn vay nguyên đơn số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn: 12 tháng (từ ngày 03-10-2022 đến ngày 28-09-2023); mục đích vay: phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức cho đến ngày 28-9-2023 là 22%/năm (365 ngày); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; thời hạn trả nợ gốc là vào cuối kỳ (ngày 28-9-2023); thời hạn tính lãi được xác định từ ngày phát sinh dư nợ thấu chi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản cấp tín dụng (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi; lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (cơ sở tính một năm là 365 ngày), số tiền tính lãi được tính theo công thức tính lãi: số tiền lãi= tổng (số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế x lãi suất tính lãi)/365 ngày. Nguyên đơn có quyền điều chỉnh lãi suất thấu chi trong hạn quy định theo nguyên tắc: lãi suất áp dụng đối với khoản vay cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ điều chỉnh lãi suất và được tính bằng công thức: lãi suất cho vay=lãi suất của mã lãi thấu chi theo quy định giải pháp+ biên độ (nếu có).

Thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 03-10-2022, nguyên đơn đã chuyển khoản đủ số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) vào số tài khoản 05131010002256 đứng tên bị đơn tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh/Phòng giao dịch B; ngày 04-10-2022, nguyên đơn đã chuyển khoản đủ số tiền 190.000.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu đồng*) vào số tài khoản 03201014719442 của ông Nguyễn Trường S tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Hà Nội, theo ủy nhiệm chi ngày 04-10-2022 của bị đơn; và ngày 14-10-2022, nguyên đơn đã giao cho bị đơn 02 thẻ tín dụng (gồm 01 thẻ chính và 01 thẻ phụ) với tổng hạn mức 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*).

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, đến ngày 04-09-2023 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, dẫn đến các khoản vay trên bị nợ quá hạn. Mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tính đến ngày 26-08-2025, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 148.251.260 đồng (*một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-9-2022: chưa trả nợ gốc; đã trả 7.578.134 đồng nợ lãi trong hạn; đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022: chưa trả nợ gốc; đã trả 49.197.277 đồng lãi trong hạn; đối với giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay (HĐ số 1409/2022/HĐCV) ngày 14-9-2022 (kèm phụ lục số 01): đã trả 61.122.391 đồng nợ gốc; 30.319.954 đồng lãi trong hạn và 33.504 đồng lãi quá hạn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: (1) Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn và nợ phí theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền tạm tính đến ngày 17-7-2024 là 546.893.593 đồng (*năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc là 433.357.338 đồng; nợ lãi là 44.111.620 đồng; nợ lãi quá hạn là 68.725.635 đồng và nợ phí là 699.000 đồng; (2) Kể từ ngày 18-7-2024, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại và phí theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn là bà Phạm Thị L3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi và nợ phí theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên với tổng số tiền tính đến ngày 21-7-2025 là 750.572.568 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi*

tám đồng); (2) Kể từ ngày 22-7-2025, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại và phí theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại văn bản số 190/UBND-VP ngày 01-8-2025, Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh trả lời: qua kiểm tra hồ sơ lưu và sổ đăng ký hộ tịch đang quản lý, UBND phường B cung cấp thông tin như sau: tại số thứ tự 692, trang số 92, quyển số 07/2023 sổ xác nhận tình trạng hôn nhân được lưu giữ tại UBND phường B năm 2023 có thông tin của bà Phạm Thị L3, sinh ngày 05-8-1983, thẻ CCCD số 034183008174, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-8-2021; nơi cư trú: tổ 1, khu 4, phường B, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh); tình trạng hôn nhân: đã đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 05/2010/QĐST-HNGĐ ngày 07-01-2011 của Tòa án nhân dân thành phố H2 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh), hiện chưa đăng ký kết hôn với ai. Qua kiểm tra hệ thống sổ xác nhận tình trạng hôn nhân, sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND phường B từ năm 2023 cho đến nay không có thông tin về việc đăng ký kết hôn, đề nghị xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân sử dụng vào mục đích để đăng ký kết hôn của bà Phạm Thị L3 nêu trên.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: (1) Chấm dứt hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC và đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (Hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) kèm Phụ lục số 01 điều ký ngày 14-09-2022 giữa Ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Quảng Ninh-Phòng giao dịch B và bà Phạm Thị L3; (2) Buộc bà Phạm Thị L3 phải trả cho Ngân hàng TMCP H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết gồm: hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC; đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (Hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) kèm Phụ lục số 01 điều ký ngày 14-09-2022; hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022 giữa Ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Quảng Ninh-Phòng giao dịch B và bà Phạm Thị L3 tính đến ngày 26-08-2025 là 769.764.229 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*). Trong đó, nợ gốc là 433.357.338 đồng, nợ lãi trong hạn là 91.159.376 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.247.515 đồng. Cụ thể như sau: đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 144.363.481 đồng, gồm: nợ gốc là 55.223.644 đồng, lãi trong hạn là 34.927.996 đồng và lãi quá hạn là 54.211.841 đồng; đối với đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV đính kèm Phụ lục số 01 ký ngày 14-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 215.762.435 đồng, gồm: nợ gốc là 128.877.609 đồng, lãi trong hạn là 53.385.697 đồng và lãi quá hạn là 33.499.129 đồng; đối với hợp đồng tín dụng hạn

mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 409.638.313 đồng, gồm: nợ gốc là 249.256.085 đồng, lãi trong hạn là 2.845.683 đồng và lãi quá hạn là: 157.536.545 đồng; (3) Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26-8-2025) cho đến khi thi hành án xong, bà L3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh phát biểu quan điểm như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: nguyên đơn là Ngân hàng TMCP H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Phạm Thị L3 phải trả cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết; tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự (mục đích vay để tiêu dùng, phục vụ đời sống, chi tiêu cá nhân). Tòa án xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp: “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự và Điều 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại kiot C357 Sunworld, đường H2, phường B, thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh); nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh (trước sáp nhập là Tòa án nhân dân thành phố H2) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 17-7-2024; buộc bị đơn yêu cầu tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18-7-2024 đến khi thanh toán hết nợ vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng tín dụng; buộc

bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm; buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, được Tòa án chấp nhận.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự vào năm 2022, là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, nguyên đơn được tổ chức và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng nên Tòa án còn áp dụng luật chuyên ngành là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật các tổ chức tín dụng nêu trên để giải quyết vụ án.

(2) Về nội dung:

2.1. Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-09-2022 và đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV đính kèm Phụ lục số 01 ký ngày 14-09-2022; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 26-08-2025 với tổng số tiền là 769.764.229 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*), thấy:

Theo nguyên đơn khai, ngày 14-9-2022 nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC với nội dung: bị đơn vay của nguyên đơn hạn mức thẻ tín dụng: 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*); lãi suất: 42%/tháng (sao kê hàng tháng vào ngày 25); mục đích vay: để tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; phương thức giải ngân: cấp cho khách hàng 01 thẻ tín dụng vật lý, trong đó có hạn mức 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*). Lời khai của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-9-2022 giữa Ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Quảng Ninh-Phòng giao dịch B và bị đơn; biên bản phê duyệt khoản vay ngày 28-9-2022 của Ngân hàng TMCP H. Quá trình giải quyết, bị đơn không phản đối lời khai nêu trên của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2,3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lời khai trên của nguyên đơn là đúng sự thật.

Theo nguyên đơn khai: ngày 14-9-2022 bị đơn và nguyên đơn ký giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay (HĐ số 1409/2022/HĐCV) (kèm phụ lục số 01), theo đó, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 190.000.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu đồng*); thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 04-10-2022 đến ngày 04-10-2025; lãi suất cố định trong suốt thời gian vay: 20,5%/năm; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; hình thức trả nợ gốc và lãi: nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần; số kỳ trả nợ gốc: 36 kỳ; ngày trả nợ gốc đầu tiên: ngày 30-10-2022; các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày

30 hàng tháng; số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 5.277.778 đồng; số kỳ trả lãi: 36 kỳ; ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 30-10-2022; các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (HĐ số 1409/2022/HĐCV) (kèm phụ lục số 01) ngày 14-9-2022 giữa nguyên đơn và bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối lời khai trên của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2,3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lời khai trên của nguyên đơn là đúng sự thật.

Theo nguyên đơn khai, ngày 30-9-2022, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706, theo đó: bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*); thời hạn: 12 tháng (từ ngày 03-10-2022 đến ngày 28-09-2023); mục đích vay: phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; lãi suất áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức cho đến ngày 28-9-2023 là 22%/năm (365 ngày); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất thấu chi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; thời hạn trả nợ gốc là vào cuối kỳ (ngày 28-9-2023). Lời khai của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706; ủy nhiệm chi ngày 04-10-2022 của bị đơn; bản sao kê tài khoản số 032-01-471944-2/VND ngày 04-10-2022 của ông Nguyễn Trường Sơn tại Ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Th. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối lời khai trên của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2,3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lời khai trên của nguyên đơn là đúng sự thật.

Xét 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn thấy: các hợp đồng tín dụng đều được giao kết bằng văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chủ thể ký kết các hợp đồng cho vay đều có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; giao kết các hợp đồng cho vay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung, các hợp đồng tín dụng nêu trên đã đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015; mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, các hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết.

Theo nguyên đơn khai, tại thời điểm vay các khoản tiền trên, bị đơn chưa kết hôn với ai. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với văn bản số 190/UBND-VP ngày 01-8-2025 của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh. Do đó, đây là khoản vay riêng của cá nhân bị đơn đối với nguyên đơn.

Về việc giải ngân các khoản vay: theo nguyên đơn khai, thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 03-10-2022, nguyên đơn đã chuyển khoản đủ số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) vào số tài khoản 05131010002256 đứng tên bị đơn tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh/Phòng giao dịch B; ngày 04-10-2022, nguyên đơn đã chuyển khoản đủ số tiền 190.000.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu đồng*) vào số tài khoản 03201014719442 của ông Nguyễn Trường S tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Hà Nội, theo ủy nhiệm chi ngày 04-10-2022 của bị đơn; và ngày 14-10-2022, nguyên đơn đã giao cho bị đơn 02 thẻ tín dụng (gồm 01 thẻ chính và 01 thẻ phụ) với tổng hạn mức 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*). Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với sao kê tài khoản số 05131010002256 đứng tên bị đơn tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh/Phòng giao dịch B; ủy nhiệm chi ngày 04-10-2022 của bị đơn; sao kê tài khoản số 03201014719442 của ông Nguyễn Trường S tại ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Hà Nội; 02 giấy xác nhận nhận thẻ, pin tại DVKH ngày 14-10-2022 của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối lời khai trên của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2,3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lời khai trên của nguyên đơn là đúng sự thật.

Theo nguyên đơn khai, tính đến ngày 26-08-2025, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 148.251.260 đồng (*một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-9-2022: chưa trả nợ gốc; đã trả 7.578.134 đồng nợ lãi trong hạn; đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022: chưa trả nợ gốc; đã trả 49.197.277 lãi trong hạn; đối với giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (HĐ số 1409/2022/HĐCV) ngày 14-9-2022 (kèm phụ lục số 01): đã trả 61.122.391 đồng nợ gốc; 30.319.954 đồng lãi trong hạn và 33.504 đồng lãi quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối lời khai trên của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các khoản 2,3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc và lãi nêu trên là đúng sự thật.

Theo nguyên đơn khai, quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, đến ngày 04-09-2023 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, dẫn đến các khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài; mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: các thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thu hồi nợ của khách hàng (bị đơn) các ngày 01-3-2024 và 18-7-2024. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối lời khai trên của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ quy định tại Điều 3 hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022; Điều 4 đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) và Điều 6 hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC đều ghi ngày 14-9-2022 đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn; vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022 đã hết hạn, còn 02 hợp đồng tín dụng còn lại chưa đến hạn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC và đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV kèm Phụ lục số 01 đều ký ngày 14-09-2022; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên tính đến ngày 26-08-2025 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 5,8,10 hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-9-2022; các Điều 7,8,14 hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC; điểm b khoản 2 Điều 4 đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) đều ký ngày 14-9-2022 đã ký kết giữa hai bên; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, được Tòa án chấp nhận.

Trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã gửi Thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thu hồi nợ trước hạn đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC và đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV kèm Phụ lục số 01 đều ký ngày 14-09-2022 cho bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 428 Bộ luật Dân sự.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền là 769.764.229 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*). Trong đó, nợ gốc là 433.357.338 đồng, nợ lãi trong hạn là 91.159.376 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.247.515 đồng. Cụ thể như sau: đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-09-2022: bị đơn phải trả tổng số tiền là 144.363.481 đồng. Trong đó, nợ gốc là 55.223.644 đồng, nợ lãi trong hạn là 34.927.996 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.211.841 đồng; đối với Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV đính kèm Phụ lục số 01 ký ngày 14-09-2022: bị đơn phải trả tổng số tiền là 215.762.435 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 128.877.609 đồng, nợ lãi trong hạn là: 53.385.697 đồng, nợ lãi quá hạn là: 33.499.129 đồng; đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022: bị đơn phải trả tổng số tiền là 409.638.313 đồng. Trong đó, nợ gốc là 249.256.085 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.845.683 đồng, nợ lãi quá hạn là: 157.536.545 đồng.

2.2. Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, thấy: yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-

2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn (bà L3) phải nộp 34.790.569 đồng (*ba mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.937.870 đồng (*mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi đồng*) tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2,3 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 357, 398, khoản 4 Điều 422, các khoản 1,2,3 Điều 428, các Điều 463, 465, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 và Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 1, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H.

1.1. Chấm dứt hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC và đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay (Hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) kèm Phụ lục số 01 đều ký ngày 14-09-2022 giữa Ngân hàng TMCP H-Chi nhánh Quảng Ninh-Phòng giao dịch B và bà Phạm Thị L3.

1.2. Buộc bà Phạm Thị L3 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết gồm: hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC; đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay (Hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) kèm Phụ lục số 01 đều ký ngày 14-09-2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần H-Chi nhánh Quảng Ninh-Phòng giao dịch B và bà Phạm Thị L3 tính đến ngày 26-08-2025 là 769.764.229 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng*). Trong đó, nợ gốc là

433.357.338 đồng (*bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng*), nợ lãi trong hạn là 91.159.376 đồng (*chín mươi một triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn là 245.247.515 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười lăm đồng*). Cụ thể như sau:

+ Đối với hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC ngày 14-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 144.363.481 đồng (*một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi một đồng*), gồm: nợ gốc là 55.223.644 đồng (*năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*), lãi trong hạn là 34.927.996 đồng (*ba mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*) và lãi quá hạn là 54.211.841 đồng (*năm mươi bốn triệu hai trăm mười một nghìn tám trăm bốn mươi một đồng*).

+ Đối với đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 1409/2022/HĐCV đính kèm Phụ lục số 01 ký ngày 14-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 215.762.435 đồng (*hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng*), gồm: nợ gốc là 128.877.609 đồng (*một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm linh chín đồng*), lãi trong hạn là 53.385.697 đồng (*năm mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*) và lãi quá hạn là 33.499.129 đồng (*ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi chín đồng*).

+Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022: Bà L3 phải trả số tiền là 409.638.313 đồng (*bốn trăm linh chín triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười ba đồng*), gồm: nợ gốc là 249.256.085 đồng (*hai trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi lăm đồng*), lãi trong hạn là 2.845.683 đồng (*hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*) và lãi quá hạn là 157.536.545 đồng (*một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*).

1.3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26-8-2025) cho đến khi thi hành án xong, bà L3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1409/2022/MSB-BC; đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay (Hợp đồng số 1409/2022/HĐCV) kèm Phụ lục số 01 đều ký ngày 14-09-2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01655/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/2462706 ngày 30-09-2022 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L3 phải nộp 34.790.569 đồng (*ba mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền 12.937.870 đồng (*mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 19-5-2025 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H2, tỉnh Quảng Ninh (trước sắp xếp), nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần H và bà Phạm Thị L3 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- Phòng THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga